

Bản án số: 762/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 30/7/2018

V/v : “Ly hôn”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Phụng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Chính

2. Ông Lê Viết Đức

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hà Kim Thông - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 414/2018/TLST–HNGĐ ngày 04 tháng 05 năm 2018 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 166/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/7/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phan Thị Thùy T – sinh năm: 1979 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Phan Anh T1 – sinh năm: 1975 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/4/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Phan Thị Thùy T trình bày:

Bà và ông T1 tự nguyện tổ chức lễ cưới vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện H ngày 28/03/2005.

Sau khi cưới vợ chồng sống nhà riêng. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình vợ chồng không hợp nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung, ông T1 có tình cảm với người phụ nữ khác, vợ chồng bà đã ly thân từ tháng 12/2017 cho đến nay, bà đã ra ngoài sống riêng. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm

trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T1.

Về con chung: có 02 trẻ tên Phan Anh Nguyên V - sinh ngày 15/8/2005, Phan Thị Thúy A - sinh ngày 10/4/2008. Bà T yêu cầu được nuôi 02 trẻ V, A, không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có

Về nợ chung: không có.

Tại bản tự khai ngày 27/6/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Phan Anh T1 trình bày:

Ông và bà T tự nguyện tổ chức lễ cưới vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện H ngày 28/03/2005.

Sau khi cưới vợ chồng sống riêng, mâu thuẫn vợ chồng xảy ra khi ông có mối quan hệ với người phụ nữ bên ngoài, ông cũng rất hối hận và thấy có lỗi với vợ, ông mong vợ ông bỏ qua cho ông mà hàn gắn gia đình, nuôi dạy con cái, ông thật sự còn thương vợ con, không đồng ý ly hôn.

Về con chung: 02 trẻ tên Phan Anh Nguyên V - sinh ngày 15/8/2005, Phan Thị Thúy A - sinh ngày 10/4/2008. Trường hợp Tòa án quyết định cho ly hôn ông đồng ý giao 02 trẻ V, A cho bà T nuôi dưỡng, do thu nhập không ổn định nên có bao nhiêu ông sẽ cấp dưỡng cho con ông bấy nhiêu.

Về tài sản chung: không có

Về nợ chung: không có.

Các đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu. Nguyên đơn, bị đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành nên Tòa án nhân dân huyện H quyết định đưa vụ án ra xét xử để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: vì đây là tranh chấp ly hôn và bị đơn cư ngụ tại huyện H nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, thành phố Hồ Chí Minh theo các qui định tại khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông T1 tự nguyện tiến đến hôn nhân. Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 57 ngày 28/3/2005 do Ủy ban nhân dân xã B,

huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh cấp thì đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông T1 là hôn nhân hợp pháp.

Bà T xin vắng mặt tại phiên tòa, bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông T1. Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản tại Tòa án, bà T khai trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên tranh cãi, vợ chồng không còn tình cảm, ông T1 có tình cảm với người phụ nữ khác, vợ chồng bà đã ly thân từ tháng 12/2017 cho đến nay, bà đã ra ngoài sống riêng.

Về phía ông T1, ông thừa nhận có mối quan hệ với người phụ nữ bên ngoài, ông cũng rất hối hận và thấy có lỗi với vợ, ông mong vợ bỏ qua mà hàn gắn gia đình, ông còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét thấy, vào năm 2016 bà T đã từng nộp đơn xin ly hôn nhưng bà đã rút đơn khởi kiện. Nay bà lại tiếp tục nộp đơn xin ly hôn. Như vậy, chứng tỏ bà cũng đã có khoảng thời gian để suy nghĩ nhưng vợ chồng bà không thể hàn gắn được, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, bà T đã ra ngoài sống riêng từ tháng 12/2017, đến nay cả hai không có biện pháp nào để quay về chung sống, hàn gắn tình cảm vợ chồng, Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải đoàn tụ để bà T, ông T1 trở về đoàn tụ nhưng bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn, bà T không còn yêu thương ông T1, ngoài ra ông T1 cũng thừa nhận có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Chứng tỏ, tình cảm vợ chồng của bà T, ông T1 không thể hàn gắn được nữa. Nhận thấy đời sống chung của vợ chồng của bà T, ông T1 đang ở trong tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên không thể kéo dài. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

Xét ý kiến của ông Phan Anh T1 không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ con. Hội đồng xét thấy, Tòa án đã thông báo về phiên hòa giải để vợ chồng trở về đoàn tụ với nhau nhưng ông T1 chỉ đến Tòa một lần duy nhất, như vậy, mong muốn được đoàn tụ chỉ là lời nói, ông không có hành động hay giải pháp nào để thuyết phục bà T trở về đoàn tụ. Điều này chứng tỏ ông T1 không có thiện chí để vợ chồng đoàn tụ, hàn gắn trở về sống chung với nhau. Do vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu được đoàn tụ của ông T1.

Xét yêu cầu về con chung: Bà T yêu cầu được nuôi 02 trẻ tên Phan Anh Nguyên V - sinh ngày 15/8/2005, Phan Thị Thúy A - sinh ngày 10/4/2008, không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét thấy, hai trẻ V, A có nguyện vọng được sống với mẹ nếu ba mẹ ly hôn, hiện nay 02 trẻ đang sống với bà T, do đó yêu cầu của bà T phù hợp với nguyện vọng của 02 trẻ nên có cơ sở chấp nhận, ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H phát biểu quan điểm về phần thủ tục tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ

các văn bản tố tụng dân sự theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử áp dụng, tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Những người tham gia phiên tòa chấp hành đúng nội quy phiên tòa.

Về nội dung vụ án: Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà T phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Phan Thị Thùy T được ly hôn với ông Phan Anh T1.

2/ Về con chung: Giao 02 trẻ Phan Anh Nguyên V - sinh ngày 15/8/2005, Phan Thị Thúy A - sinh ngày 10/4/2008 cho bà Phan Thị Thùy T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm ngưng tiền cấp dưỡng nuôi con đối với ông T cho đến khi có yêu cầu của bà T.

Vì lợi ích con chung, bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến quyền này. Khi cần thiết, theo yêu cầu của một hoặc hai bên Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con

3/ Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

4/ Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Bà Phan Thị Thùy T phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng mà bà T đã nộp theo biên lai số 0018278 ngày 04 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND H.H;
- Chi Cục THADS H.H;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kim Phụng